

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 198/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trương Đình K, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Số nhà E đường H, tổ E, phường C, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Nguyễn Thị Tô V, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Số nhà E đường H, tổ E, phường C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Đình K và bà Nguyễn Thị Tô V kết hôn với nhau vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2012, quyển số 01 ngày 21/6/2012) nay là UBND xã T, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông K và bà V về chung sống tại địa chỉ: Số nhà E đường H, tổ E, phường C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2025 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù cùng sinh sống chung trong một mái nhà nhưng ông K và bà V đã tự động sống ly thân với nhau phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét thấy, ông Trương Đình K và bà Nguyễn Thị Tô V đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn gia đình ông K và bà V đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Trương Đình K và bà Nguyễn Thị Tố V xác nhận có 02 con chung tên là Trương Minh H, sinh ngày 03/01/2008 và Trương Vân Khánh L, sinh ngày 24/7/2013. Ly hôn vợ chồng thống nhất thỏa thuận: Bà Nguyễn Thị Tố V là người nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Vân Khánh L cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Trương Đình K tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Khánh L mỗi tháng 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 20 hằng tháng, bắt đầu từ tháng 04 năm 2026. Riêng con chung Trương Minh H đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông K và bà V tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Ông Trương Đình K và bà Nguyễn Thị Tố V xác nhận không có.

[4] Về nợ chung: Ông Trương Đình K và bà Nguyễn Thị Tố V xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Đình K và bà Nguyễn Thị Tố V thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Tố V nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên là Trương Vân Khánh L, sinh ngày 24/7/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Trương Đình K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 20 hằng tháng, bắt đầu từ tháng 04 năm 2026. Riêng con chung Trương Minh H, sinh ngày 03/01/2008 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Trương Đình K và bà Nguyễn Thị Tố V xác nhận không có.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Trương Đình K và bà Nguyễn Thị Tố V xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Trương Đình K và bà Nguyễn Thị Tố V tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông Trương Đình K và bà

Nguyễn Thị Tố V đã nộp theo biên lai thu số 0002847 ngày 27 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Trương Đình K và bà Nguyễn Thị Tố V đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3;
- THADS khu vực 3;
- THADS.tp Đà Nẵng;
- UBND xã Thượng Đức;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thu Trang